

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2012/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 08 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá
thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 31/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 31/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 299/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Tờ trình số 11/TTr-STC ngày 10 tháng 01 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

| Khu vực | Tỷ lệ % đối với nhóm đất nông nghiệp | Tỷ lệ % đối với nhóm đất phi nông nghiệp |
|--|---|---|
| 1. Địa bàn thuộc khu vực I | | |
| - Các phường thuộc thị xã Gia Nghĩa | Từ 1,5 đến 2,0 | Từ 2,5 đến 3,0 |
| - Các xã thuộc thị xã Gia Nghĩa | Từ 1,3 đến 1,5 | Từ 1,5 đến 2,0 |
| 2. Địa bàn thuộc khu vực II | | |
| - Thị trấn, trung tâm huyện: Đắk Mil, Đắk Rlấp | Từ 1,5 đến 2,0 | Từ 2,5 đến 3,0 |
| - Thị trấn, trung tâm huyện: Cư Jút và khu Nhân Cơ thuộc huyện Đắk Rlấp | Từ 1,2 đến 1,5 | Từ 1,5 đến 2,0 |
| - Thị trấn, trung tâm huyện: Krông Nô, Đắk Song, Đắk Glong, Tuy Đức | Từ 0,9 đến 1,1 | Từ 1,2 đến 1,5 |
| 3. Địa bàn thuộc khu vực III: Trung tâm các xã | 0,8 | 1,1 |
| 4. Địa bàn thuộc khu vực IV: Các khu vực còn lại | 0,75 | 1,0 |
| 5. Đất xây dựng công trình ngầm không gắn với công trình xây dựng trên mặt đất (không sử dụng phần đất trên bề mặt). | Được tính bằng 25% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng với công trình ngầm. | |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 35/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2006 của UBND tỉnh về đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Diễn